TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 4 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

2. Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kiều T, sinh năm 1985, địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung G, sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị Kiều T trình bày:

Bà Huỳnh Thị Kiều T và ông Nguyễn Trung G có tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22-6-2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là Phường B, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới về sống chung với nhau thì vợ chồng hạnh phúc. Về sau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2019. Trong thời gian chung sống, bà Huỳnh Thị Kiều T và ông Nguyễn

Trung G có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 23-01-2009. Hiện nay cháu D đang sống chung với bà Huỳnh Thị Kiều T.

Nay bà Huỳnh Thị Kiều T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung G;

- Về con chung: Yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 23-01-2009 cho bà Huỳnh Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Nguyễn Trung G phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Các bên tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến của các bị đơn ông Nguyễn Trung G:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 07-02-2023, cháu Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: Cháu đang sống chung với mẹ là Huỳnh Thị Kiều T, đang học lớp 8, Trường Trung học cơ sở L (huyện L, tỉnh Hậu Giang). Cháu biết việc cha mẹ ly hôn với nhau cho nên cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Đây là nguyện vọng của riêng cháu, không có ai lừa dối hay ép buộc.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn, giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Huỳnh Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Trung G, đang cư trú tại Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều

228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn Huỳnh Thị Kiều T và bị đơn Nguyễn Trung G đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22-6-2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về căn cứ ly hôn: Theo nguyên đơn trình bày, do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn với nhau, đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Mặc dù chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho ly hôn nhưng trên thực tế bà T và ông G đã ly thân; nghĩa là mỗi người đã ở một nơi và đều ổn định cuộc sống riêng của mình. Điều này cho thấy tình nghĩa vợ chồng đã không còn do họ không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình kể từ thời điểm ly thân. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp có vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho họ được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Bà T và ông G có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 23-01-2009, hiện đang sống chung với bà T. Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu D có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu D đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm gắn bó với nguyên đơn, điều kiện sống và học tập đảm bảo nên việc giao cháu D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Trung G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Các bên tự thỏa thuận, không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều

271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Kiều T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kiều T và ông Nguyễn Trung G được ly hôn.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 23-01-2009 cho bà Huỳnh Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Trung G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Huỳnh Thị Kiều T về việc không yêu cầu bị đơn Nguyễn Trung G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Huỳnh Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006390 ngày 12-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND Phường 2, thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm